

---

KHOẢN TÍN DỤNG SỐ 5330-VN

# Hiệp định tài trợ

(Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên)

giữa

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Và

HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

Ngày 24 Tháng 04, 2014

---

## KHOẢN TÍN DỤNG SỐ 5330-VN

### HIỆP ĐỊNH TÀI TRỢ

HIỆP ĐỊNH đề ngày 24 tháng 04, 2014, được ký giữa giữa CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (gọi tắt là “Bên nhận”) và HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ (gọi tắt là “Hiệp hội”). Bên nhận và Hiệp hội đã thống nhất những điều khoản sau đây:

#### ĐIỀU I - CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG; ĐỊNH NGHĨA

- 1.01. Các điều kiện chung (được xác định trong Phụ đính của Hiệp định này) là bộ phận cấu thành không thể thiếu của Hiệp định này.
- 1.02. Trừ phi có quy định khác, những thuật ngữ được viết hoa trong Hiệp định này có nghĩa tương tự như được quy định trong Các Điều kiện chung hoặc trong phần Phụ đính của Hiệp định này.

#### ĐIỀU II - TÀI TRỢ

- 2.01. Hiệp hội đồng ý cấp cho Bên nhận theo đúng các điều khoản và điều kiện được nêu ra hoặc có liên quan đến hiệp định này, một khoản tín dụng tương đương chín mươi bảy triệu sáu trăm nghìn Quyền rút vốn Đặc biệt (SDR 97,600,000) (gọi tắt là “Khoản tín dụng” và “Khoản tài trợ”) để hỗ trợ tài chính cho dự án được mô tả trong Phụ lục 1 của Hiệp định này (“Dự án”).
- 2.02. Bên nhận có thể rút số tiền được tài trợ theo quy định trong Phần IV của Phụ lục 2 trong Hiệp định này.
- 2.03. Phí cam kết tối đa mà Bên nhận có thể phải trả dựa trên số dư tài chính chưa rút được tính bằng một nửa của một phần trăm (1/2 của 1%) mỗi năm.
- 2.04. Phí dịch vụ mà Bên nhận có thể phải trả tính trên số dư tín dụng đã rút được tính bằng ba phần tư của một phần trăm (3/4 của 1%) mỗi năm.
- 2.05. Lãi suất mà Bên nhận có thể phải trả tính trên khoản tín dụng đã rút được tính bằng một và một phần tư phần trăm (1.25%) mỗi năm.
- 2.06. Hạn thanh toán là vào ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm.
- 2.07. Nợ gốc sẽ được trả theo lịch trả nợ được quy định trong Phụ lục 3 của Hiệp định này.
- 2.08. Đơn vị tiền tệ thanh toán là Đô la Mỹ.

### **ĐIỀU III - DỰ ÁN**

- 3.01. Bên nhận có trách nhiệm đưa ra các cam kết về mục tiêu của Dự án. Để thực hiện được điều này, Bên nhận sẽ thực hiện Dự án thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định trong Điều IV của Các Điều kiện chung. .
- 3.02. Ngoài những quy định trong mục 3.01 của Hiệp định này, và trừ trường hợp Bên nhận và Hiệp hội có những thoả thuận khác, Bên nhận sẽ phải đảm bảo việc thực hiện dự án theo đúng những quy định trong Phụ lục 2 của Hiệp định này.

### **ĐIỀU IV - HIỆU LỰC; CHẤM DỨT**

- 4.01. Vấn đề Pháp lý Bổ sung, mà cụ thể là Khung Chính sách Tái định cư đã được Thủ tướng phê duyệt và ràng buộc Bên nhận phải tuân theo những điều khoản tương ứng trong khung chính sách đó.
- 4.02. Thời hạn hiệu lực là 90 ngày kể từ ngày ban hành Hiệp định này.
- 4.03. Để thực hiện các mục tiêu được nêu trong Phần 8.05 (b) của Các Điều kiện chung, ngày mà Bên nhận sẽ chấm dứt nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này (ngoài ngày quy định cho nghĩa vụ thanh toán) là sau hai mươi (20) năm kể từ ngày ký Hiệp định này.

### **ĐIỀU V - ĐẠI DIỆN; ĐỊA CHỈ**

- 5.01. Đại diện của Bên nhận là Thống đốc, hoặc một Phó Thống đốc của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 5.02. Địa chỉ của Bên nhận là:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
49 Lý Thái Tổ  
Hà Nội, Việt Nam

Cable:  
VIETBANK

Telex:  
412248

Fax:  
(84-4) 3 825 0612

- 5.03. Địa chỉ của Hiệp hội là :

Hiệp hội Phát triển Quốc tế

1818 H Street, N.W.

Washington, D.C. 20433

Hoa Kỳ

Cable:

Telex:

Facsimile:

INDEVAS

248423 (MCI)

1-202-477-6391

Washington, D.C.

THỎA THUẬN tại Hà Nội, Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,  
vào ngày, tháng, năm như đã ghi ở phần đầu của Hiệp định.

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Ký bởi**

Đại diện theo uỷ quyền

Họ và tên: Nguyễn Văn Bình

Chức danh: Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

**HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ**

**Ký bởi**

Đại diện theo uỷ quyền

Họ và tên: Victoria Kwakwa

Chức danh: Giám Đốc Ngân Hàng Thế Giới tại Việt Nam

## **PHỤ LỤC 1**

### **Mô tả dự án**

Mục tiêu của dự án là nâng cao mức sống dân cư bằng việc cải thiện các cơ hội sinh kế cho người dân tại các xã Dự án thuộc các huyện miền núi vùng Tây Nguyên Việt Nam.

Dự án bao gồm các nội dung sau:

#### **Phần 1: Phát triển Cơ sở hạ tầng Xã và Thôn bản**

- (a) Cung cấp tài chính cho việc thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng cấp xã và thôn bản quy mô nhỏ.
- (b) Cung cấp tài chính cho các quá trình hoạt động và duy trì cơ sở hạ tầng cấp xã và thôn bản quy mô nhỏ.

#### **Phần 2: Phát triển Sinh kế Bền vững**

- (a) Cung cấp tài chính để tăng cường và đa dạng hóa nguồn thu nhập và cải thiện dinh dưỡng, an ninh lương thực bằng cách tăng cường năng lực sản xuất và chế độ ăn uống cho người được thụ hưởng của dự án.
- (b) Cung cấp tài chính để thúc đẩy liên kết thị trường đối với các mặt hàng có tiềm năng thương mại.

#### **Phần 3: Phát triển cơ sở hạ tầng kết nối, Nâng cao Năng lực và Truyền Thông**

- (a) Phát triển cơ sở hạ tầng cấp xã và liên xã và các công trình đầu tư khác được lựa chọn để hỗ trợ kết nối kinh tế - xã hội.
- (b) Nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cho việc quản lý và thực hiện Dự án.
- (c) Các hoạt động tiếp cận cộng đồng và truyền thông.

#### **Phần 4: Quản lý Dự án**

- (a) Hỗ trợ cho việc quản lý Dự án.
- (b) Hỗ trợ cho việc giám sát và đánh giá Dự án.

## PHỤ LỤC 2

### Thực hiện Dự án

#### Phần I: Cơ chế tổ chức thực hiện

##### A. Tổ chức

1. Trong suốt thời gian thực hiện Dự án, Bên nhận phải thành lập và duy trì một Ban điều phối dự án ở cấp Trung Ương tại Bộ KH&ĐT dưới sự điều hành của đội ngũ cán bộ có năng lực, được trang bị đầy đủ nguồn lực và có đủ số cán bộ đáp ứng được các yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm để có thể đảm nhận trách nhiệm quản lý và điều phối dự án cũng như giám sát và đánh giá những thành tựu và tác động của dự án theo như các điều khoản tham chiếu mà Hiệp hội chấp thuận.
2. Bên nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân của mỗi tỉnh Dự án:
  - (a) Chỉ định một phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh đó;
  - (b) Trong suốt thời gian thực hiện Dự án phải thành lập và duy trì một Ban Quản lý dự án tỉnh và Ban Quản lý dự án huyện tại mỗi tỉnh và huyện tương ứng, dưới sự chỉ đạo của đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực, được trang bị đầy đủ nguồn lực với đủ số cán bộ có trình độ, kinh nghiệm theo như các điều khoản tham chiếu mà Hiệp hội chấp thuận.
3. Bên nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân của mỗi huyện Dự án:
  - (a) Chậm nhất là một (1) tháng kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực và trong suốt thời gian thực hiện dự án, cần thiết lập và duy trì một Ban Phát triển xã ở mỗi xã tương ứng dưới sự chỉ đạo của đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực, được trang bị đầy đủ nguồn lực với đủ số cán bộ có trình độ, kinh nghiệm theo như các điều khoản tham chiếu mà Hiệp hội chấp thuận.
  - (b) Trước ngày 30 tháng 6 năm 2014 phải thiết lập và duy trì một Ban Giám sát xã ở mỗi xã dưới sự chỉ đạo của đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực, được trang bị đầy đủ nguồn lực với đủ số cán bộ có trình độ, kinh nghiệm theo như các điều khoản tham chiếu mà Hiệp hội chấp thuận

- (c) Đối với từng Tiểu dự án đủ điều kiện được Ban Phát triển xã đề xuất và Ban Quản lý Dự án cấp huyện thẩm định, cần ra quyết định bằng văn bản quy định về quyền và nghĩa vụ của Ban Phát triển xã đối với việc phê duyệt và triển khai thực hiện Tiểu dự án, theo hình thức và nội dung quy định của Hiệp hội.

4. Bên nhận có trách nhiệm:

- (a) Duy trì và thực hiện dự án theo Sổ Tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM), trong đó hướng dẫn về các quy định và thủ tục thực hiện dự án; và
- (b) Không sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ cũng như không cho phép sửa đổi, bổ sung, hoặc hủy bỏ các quy định trong PIM hoặc liên quan đến PIM mà không có sự thỏa thuận trước bằng văn bản của Hiệp hội.

**B. Chống tham nhũng**

Bên nhận phải bảo đảm rằng Dự án được thực hiện theo đúng các quy định của tài liệu Hướng dẫn Chống Tham nhũng.

**C. Quy định về an toàn**

1. Bên nhận sẽ:

- (a) Thực hiện tất cả các hoạt động nhằm giảm thiểu việc tái định cư không tự nguyện, hoặc những mất mát về tài sản và nhà cửa, mất nguồn thu nhập hoặc các phương tiện kiếm sống tạm thời hay vĩnh viễn.
- (b) Trong trường hợp các hoạt động của Dự án làm ảnh hưởng tới người dân, thì trước khi thực hiện dự án cần phải xây dựng một Kế hoạch Tái định cư được Hiệp hội chấp thuận và phù hợp với các hướng dẫn cũng như quy trình thủ tục được quy định trong Khung Chính sách Tái định cư (RPF).

2. Bên nhận đảm bảo rằng việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình thuộc Dự án phải được tài trợ từ nguồn bên ngoài nguồn vốn dự án, và phải cung cấp kịp thời các nguồn lực cần thiết cho việc giải phóng mặt bằng.

3. Tùy theo từng trường hợp mà Bên nhận sẽ kịp thời thực hiện các Kế hoạch Quản lý Môi trường hoặc các Quy tắc Thực hành về Môi Trường theo Khung Quản lý Môi trường và Xã hội được Hiệp hội chấp thuận.

4. Bên nhận sẽ:
  - (a) Không được bổ sung, sửa đổi hay hủy bỏ cũng như không cho phép bổ sung, sửa đổi hay hủy bỏ các quy định thuộc Các biện pháp An toàn hay bất cứ quy định nào liên quan tới Các biện pháp An toàn đó mà không có sự thỏa thuận trước bằng văn bản của Hiệp hội; và
  - (b) Duy trì đầy đủ các chính sách và quy trình thủ tục để có thể thực hiện giám sát và đánh giá việc triển khai Các biện pháp An toàn theo tài liệu hướng dẫn được Hiệp hội chấp thuận.
5. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định của Các biện pháp An toàn và Hiệp định này, thì các quy định của Hiệp định này sẽ được áp dụng.
6. Ngoài các quy định tại khoản 1 mục II.A của Phụ lục 2 này, Bên nhận phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thường xuyên thu thập, xử lý thông tin về hiện trạng thực hiện Các biện pháp An toàn để trình Hiệp hội. Đây được xem là một phần trong nội dung các Báo cáo Dự án, với chi tiết như sau:
  - (a) Các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện Các biện pháp An toàn;
  - (b) Những điều kiện gây trở ngại (nếu có) hoặc có nguy cơ gây trở ngại đối với việc thực hiện Các biện pháp An toàn; và
  - (c) Các biện pháp được thực hiện hoặc được yêu cầu thực hiện để khắc phục các điều kiện trở ngại đó.

## **Phần II. Giám sát, Báo cáo và Đánh giá Dự án**

### **A. Báo cáo Dự án**

Bên nhận phải giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện Dự án đồng thời chuẩn bị các Báo cáo Dự án theo các quy định được nêu trong Phần 4.08 của Các Điều kiện chung, và trên cơ sở các chỉ số được Hiệp hội chấp thuận. Mỗi Báo cáo Dự án được lập theo kỳ là nửa năm dương lịch và sẽ được trình Hiệp hội trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày sau khi thời hạn báo cáo kết thúc.

### **B. Quản lý tài chính, Báo cáo Tài chính và Kiểm toán**

1. Bên nhận sẽ duy trì, hoặc yêu cầu duy trì một hệ thống quản lý tài chính phù hợp với các quy định của Phần 4.09 của Các Điều kiện chung.
2. Ngoài các quy định của Phần A Mục này, Bên nhận chuẩn bị và gửi cho Hiệp hội các báo cáo tài chính chưa qua kiểm toán trong từng quý dương



lịch của dự án trong vòng không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ thời điểm kết thúc mỗi quý đó. Các báo cáo tài chính này phải được trình bày dưới hình thức và nội dung được Hiệp hội chấp thuận.

3. Bên nhận phải có Báo cáo tài chính được kiểm toán theo các quy định tại Mục 4.09 (b) của các Điều kiện chung. Mỗi đợt kiểm toán Báo cáo tài chính được thực hiện cho giai đoạn là một năm tài chính của Bên nhận, hoặc trong bất kỳ giai đoạn nào khác được Hiệp hội chấp thuận. Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán cho mỗi giai đoạn đó sẽ được gửi cho Hiệp hội trong vòng sáu (6) tháng kể từ thời điểm kết thúc mỗi giai đoạn đó.

### **Phần III. Mua sắm**

#### **A. Quy định chung**

1. **Hàng hoá, Công trình và Dịch vụ phi tư vấn.** Tất cả hàng hoá, công trình và các dịch vụ phi tư vấn cần thiết cho Dự án được tài trợ bằng Khoản Tài trợ sẽ được mua sắm theo các quy định được nêu trong Mục I của tài liệu Hướng dẫn Mua sắm, và các quy định của Mục này.
2. **Các dịch vụ tư vấn.** Tất cả các dịch vụ tư vấn cần thiết cho Dự án và được tài trợ bằng Khoản tài trợ sẽ được mua sắm theo các quy định được nêu tại Mục I và IV của tài liệu Hướng dẫn tuyển chọn Tư vấn, và các quy định của Mục này.
3. **Mô tả.** Những thuật ngữ được viết hoa dưới đây trong mục này mô tả phương thức mua sắm cụ thể hoặc phương pháp đánh giá của Hiệp hội đối với từng hợp đồng cụ thể, tương ứng với các phương pháp được mô tả trong các Mục II, III của tài liệu Hướng dẫn thực hiện Đấu thầu, hoặc Mục II, III, IV và V của tài liệu Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn.

#### **B. Các phương pháp mua sắm hàng hoá, công trình và các dịch vụ phi tư vấn**

1. **Đấu thầu cạnh tranh quốc tế.** Ngoại trừ các nội dung trong mục 2 dưới đây, thì hàng hoá, các công trình và dịch vụ phi tư vấn sẽ được mua sắm theo các hợp đồng được trao trên cơ sở Đấu thầu cạnh tranh quốc tế.
2. **Các phương pháp Mua sắm Hàng hoá, công trình và các dịch vụ phi tư vấn khác.** Bảng sau đây xác định các phương pháp mua sắm ngoại trừ phương pháp Đấu thầu cạnh tranh quốc tế. Kế hoạch Đấu thầu sẽ xác định trong trường hợp nào thì những phương pháp này được sử dụng:

<b><u>Hình thức mua sắm</u></b>
---------------------------------

(a) Đấu thầu cạnh tranh trong nước, tuân thủ theo các điều khoản bổ sung được nêu ra trong phụ đính của Phụ lục 2 này
---

(b) Chào hàng cạnh tranh
(c) Hợp đồng trực tiếp
(d) Có sự tham gia của cộng đồng

**C. Các phương pháp tuyển chọn dịch vụ tư vấn**

- Tuyển chọn dựa trên chất lượng và chi phí.** Trừ các trường hợp được nêu trong đoạn 2 dưới đây, dịch vụ tư vấn sẽ được tuyển chọn dưới dạng trao hợp đồng dựa trên chất lượng và chi phí.
- Các phương pháp tuyển chọn dịch vụ tư vấn.** Bảng sau đây xác định rõ các phương pháp tuyển chọn tư vấn ngoài phương pháp dựa trên Chất lượng và chi phí. Kế hoạch đấu thầu sẽ xác định các trường hợp mà những phương pháp này được áp dụng:

<b><u>Các phương pháp tuyển chọn</u></b>
(a) Tuyển chọn theo tiêu chí chất lượng tư vấn
(b) Tuyển chọn theo tiêu chí chi phí thấp nhất
(c) Tuyển chọn dựa trên bằng cấp của tư vấn
(d) Tuyển chọn hãng tư vấn theo hình thức chỉ định thầu
(e) Tuyển chọn tư vấn cá nhân
(f) Tuyển chọn tư vấn cá nhân theo hình thức chỉ định thầu
(g) Tuyển chọn trong điều kiện ngân sách cố định

**D. Xét duyệt của Hiệp hội đối với các Quyết định Đấu thầu**

Trong Kế hoạch đấu thầu sẽ quy định những hợp đồng nào cần phải tuân theo quy trình xét duyệt trước của Hiệp hội. Tất cả các hợp đồng còn lại tuân theo quy trình xét duyệt sau của Hiệp hội.

**Phẩm IV: Rút tiền từ Khoản tài trợ**

- Bên nhận có thể rút tiền từ Khoản tài trợ theo như quy định tại Điều II của Các Điều kiện chung, các quy định trong phần này, và những hướng dẫn bổ sung mà Hiệp Hội sẽ quy định cụ thể bằng cách thông báo cho Bên nhận (bao gồm “Hướng dẫn giải ngân cho các dự án của Ngân hàng Thế giới” vào

tháng 5/2006, được Hiệp Hội chỉnh sửa và áp dụng cho Hiệp Định này), để tài trợ cho các khoản Chi tiêu hợp lý được nêu trong bảng 2 của mục 2 dưới đây.

2. Bảng dưới đây quy định cụ thể về các khoản Chi tiêu hợp lý có thể được tài trợ từ Khoản Tài trợ (sau đây gọi tắt là “Hạng mục”), việc phân bổ nguồn tài trợ cho từng hạng mục, và tỷ lệ chi phí được tài trợ cho từng hạng mục.

<b>Hạng mục</b>	<b>Số tiền tài trợ được phân bổ (đơn vị: SDR)</b>	<b>Tỷ lệ kinh phí được tài trợ (đã bao gồm thuế)</b>
(1) Hàng hóa (bao gồm cả phương tiện đi lại), Công trình, Dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn, đào tạo và hội thảo, và các chi phí hoạt động gia tăng theo phần 3 và 4 của dự án.	40,620,000	100%
(2)Trợ cấp theo phần 1 và 2 của dự án	56,980,000	100% khối lượng giải ngân
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97,600,000</b>	

**B. Điều kiện rút vốn; Thời hạn rút vốn.**

1. Mặc dù đã có các quy định tại mục A phần này, việc giải ngân sẽ không được thực hiện trước khi Hiệp định này được ký kết.
2. Hạn cuối rút vốn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

## PHỤ ĐÍNH CỦA PHỤ LỤC 2

### **Đấu thầu Cạnh tranh trong nước: Thủ tục Mua sắm bổ sung**

Các thủ tục mua sắm hàng hoá, dịch vụ phi tư vấn, và các công trình theo hợp đồng được trao trên cơ sở Đấu thầu Cạnh tranh trong nước được quy định tại: (a) Điều 18 Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 quy định về việc đấu thầu rộng rãi đối với hoạt động mua sắm của bên nhận, ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005, (b) Luật đấu thầu số 38/2009/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều khoản luật liên quan tới vốn đầu tư xây dựng của bên nhận, ban hành ngày 19 tháng 6, năm 2009, và (c) Nghị định số 85/2009/NĐ-CP hướng dẫn triển khai Luật Đấu thầu và lựa chọn Nhà thầu Xây dựng theo Luật Xây dựng, ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (gọi chung là "Luật đấu thầu trong nước"), tuân thủ theo các quy định tại Mục I và đoạn 3.3 và 3.4 của tài liệu Hướng dẫn Mua sắm và các quy định sau:

#### Xung đột lợi ích

1. Nhà thầu không được có xung đột về lợi ích. Bất kỳ nhà thầu nào được xác định là có xung đột về lợi ích sẽ không đủ điều kiện để trúng thầu. Các quy định về xung đột lợi ích được nêu trong Phần I của tài liệu Hướng dẫn Mua sắm được sử dụng để đối chiếu khi xem xét hồ sơ dự thầu.

#### Điều kiện hợp lệ

2. Tính hợp lệ của nhà thầu được xác định trong phần I của tài liệu Hướng dẫn mua sắm; theo đó, ngoài những trường hợp nhà thầu được nêu trong Phần I của tài liệu Hướng dẫn Mua sắm, không có nhà thầu hoặc nhà thầu tiềm năng nào bị tuyên bố là không hợp lệ để trao hợp đồng tài trợ bởi Hiệp hội Điều kiện áp dụng với các nhà thầu nước ngoài tương tự với các nhà thầu trong nước. Cụ thể, sẽ không có ưu tiên đối với nhà thầu trong nước trong quá trình đánh giá thầu. Bên cạnh đó, nhà thầu nước ngoài cũng không cần phải hình thành liên doanh với các nhà thầu trong nước hoặc làm nhà thầu phụ cho các nhà thầu trong nước để có thể tham gia dự thầu.

3. Các tổ chức hoặc doanh nghiệp nhà nước của nước nhận được phép dự thầu ở nước nhận chỉ khi họ có thể chứng tỏ rằng: (i) họ hoạt động hợp pháp và độc lập về mặt tài chính, (ii) hoạt động theo luật thương mại; và (iii) không phải là các cơ quan trực thuộc Bên nhận hoặc Bên nhận phụ.

#### Đăng ký

4. Đăng ký không phải là công cụ đánh giá năng lực nhà thầu. Nhà thầu nước ngoài không cần thiết phải đăng ký để có thể tham gia dự thầu, và nếu được xác định là nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất, sẽ có cơ hội đăng ký mà không gặp bất cứ rào cản nào. Đấu thầu sẽ không bị hạn chế đối với bất cứ loại nhà thầu nào, ngay cả các nhà thầu chưa được phân loại cũng được tham gia dự thầu.

## Thông báo mời thầu; Thời gian chuẩn bị đấu thầu

5. Toàn bộ nội dung thông báo mời thầu phải được công bố rộng rãi trên các tờ báo quốc gia được phát hành rộng rãi hoặc trong công báo chính thức được phát hành rộng rãi, hoặc trên một trang web được sử dụng rộng rãi, hoặc cổng thông tin điện tử được truy cập miễn phí trong nước và quốc tế. Người nhận có thể công bố một thông báo mời thầu ngắn gọn, bao gồm các thông tin cơ bản trên các tờ báo trong nước với điều kiện toàn bộ văn bản được công bố đồng thời trên công báo chính thức hoặc trên một trang web được sử dụng rộng rãi cũng như cổng thông tin điện tử được truy cập miễn phí trong nước và quốc tế. Thông báo sẽ được trao cho các nhà thầu tiềm năng trong khoảng thời gian đủ để họ có thể có được các tài liệu liên quan.

6. Thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu không dưới 30 ngày kể từ ngày có thông báo mời thầu hoặc khi nào hồ sơ mời thầu hoàn tất.

## Mẫu hồ sơ mời thầu

7. Các mẫu hồ sơ mời thầu tiêu chuẩn của Hiệp hội sẽ được sử dụng.

## Tiêu chí đánh giá năng lực

8. Tiêu chí đánh giá năng lực được quy định rõ trong hồ sơ mời thầu, và chỉ có các tiêu chí đã được xác định đó mới được sử dụng để xem xét liệu nhà thầu có đủ năng lực hay không. Năng lực chuyên môn được đánh giá trên cơ sở qua hay không qua, mà không dựa trên điểm thưởng ưu tiên. Đánh giá đó sẽ chỉ tính tới khả năng và nguồn lực của nhà thầu trong việc triển khai hợp đồng, cụ thể là kinh nghiệm thực hiện những hợp đồng tương tự trong quá khứ, năng lực liên quan tới nhân sự, thiết bị, các phương tiện sản xuất và xây dựng, và năng lực tài chính. Việc đánh giá năng lực nhà thầu sẽ được tiến hành riêng sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu về mặt tài chính và kỹ thuật.

## Nộp thầu, Mở thầu và Đánh giá thầu

9. Các nhà thầu có thể nộp hồ sơ dự thầu trực tiếp hoặc qua dịch vụ chuyển phát nhanh hay qua đường bưu điện tùy theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Các Hồ sơ dự thầu sẽ được mở công khai ngay sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ dự thầu mà không phụ thuộc vào số lượng hồ sơ dự thầu nhận được. Hồ sơ dự thầu nhận được sau khi hết hạn gửi hồ sơ sẽ bị loại và trả lại nguyên niêm phong. Một bản sao biên bản mở thầu được gửi ngay cho các nhà thầu đã nộp hồ sơ dự thầu và cho Hiệp hội.

- (a) Hồ sơ mời thầu được bán cho bất cứ ai sẵn sàng thanh toán lệ phí hồ sơ mời thầu, lệ phí này không vượt quá các chi phí in ấn, sao chép, và vận chuyển tại bất cứ thời điểm nào trước hạn chót nộp thầu, ngoài ra không áp dụng bất cứ điều kiện nào khác khi bán hồ sơ mời thầu.

- (b) Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt theo các tiêu chí đánh giá năng lực được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu và được lượng hoá bằng các công cụ tiền tệ thay vì yếu tố giá; điểm thưởng ưu tiên sẽ không được sử dụng trong đánh giá thầu.
- (c) Trong thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu nào đáp ứng đủ các tiêu chí về năng lực, nguồn lực và có hồ sơ dự thầu được đánh giá là: (i) phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu và (ii) đưa ra giá đánh giá thấp nhất. Nhà thầu không được yêu cầu hoặc không được phép thực hiện các nghĩa vụ không quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc sửa đổi giá thầu so với hồ sơ ban đầu đã nộp.
- (d) Không có hồ sơ dự thầu nào bị loại khỏi quá trình đánh giá chi tiết nếu các sai lệch là nhỏ và không đáng kể.
- (e) Việc so sánh hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng có thể dựa trên tổng chi phí cuối cùng bao gồm tất cả các loại thuế và nghĩa vụ.
- (f) Không có hồ sơ dự thầu nào bị từ chối trên cơ sở so sánh với dự toán và trần ngân sách của nhà tuyển dụng nếu không có thỏa thuận trước bằng văn bản của Hiệp hội.

#### Loại tất cả hồ sơ dự thầu và đấu thầu lại

10. Việc loại tất cả các hồ sơ dự thầu là hợp lý khi thiếu sự cạnh tranh hiệu quả, hoặc tất cả các hồ sơ dự thầu không phù hợp, hay không có nhà thầu nào đáp ứng được các tiêu chí quy định, hoặc giá dự thầu của hồ sơ trúng thầu thấp nhất cao hơn đáng kể so với chi phí ước tính hoặc ngân sách hiện có của Bên nhận. Tính phi cạnh tranh không chỉ được xác định trên cơ sở số lượng nhà thầu. Ngay cả khi chỉ có một hồ sơ dự thầu được gửi, quá trình đấu thầu vẫn có thể được coi là hợp lệ, nếu đấu thầu được quảng bá đúng quy cách, các tiêu chí đánh giá năng lực không quá khắt khe và đưa ra mức giá hợp lý so với giá trị thị trường. Không được loại bỏ tất cả các hồ sơ dự thầu hoặc tiến hành đấu thầu lại nếu không được Hiệp hội chấp thuận bằng văn bản.

#### Khiếu nại của nhà thầu và việc Xử lý khiếu nại

11. Bên nhận sẽ triển khai một cơ chế khiếu nại độc lập và hiệu quả, cho phép các nhà thầu khiếu nại và được xử lý một cách kịp thời. Cơ chế khiếu nại độc lập được hiểu là việc xem xét khiếu nại được thực hiện bởi một đơn vị độc lập không liên quan tới bất cứ khâu nào trong quá trình đấu thầu (ví dụ, đánh giá thầu, phê duyệt hợp đồng, ...).

#### Gian lận và tham nhũng

12. Các quy định về gian lận và tham nhũng như đã nêu trong Mục I của tài liệu Hướng dẫn Mua sắm sẽ được áp dụng. Mỗi hồ sơ dự thầu và hợp đồng được tài trợ

từ Khoản tài trợ phải bao gồm quy định về các vấn đề liên quan đến gian lận và tham nhũng đã được xác định trong Hướng dẫn. Hiệp hội sẽ xử phạt một công ty hoặc cá nhân bất cứ lúc nào theo quy định xử phạt của Hiệp hội, bao gồm việc công khai tuyên bố rằng các công ty hoặc cá nhân đó vĩnh viễn hoặc trong một khoảng thời gian nhất định không đủ điều kiện để: (i) được trao một hợp đồng do Hiệp hội tài trợ, và (ii) được trở thành nhà thầu phụ, tư vấn, nhà cung ứng, hoặc cung cấp dịch vụ cho một hãng khác có đủ điều kiện được trao hợp đồng do Hiệp hội tài trợ.

#### Quyền Thanh tra/Kiểm toán

13. Mỗi hồ sơ đấu thầu và hợp đồng tài trợ từ Khoản tài trợ phải bao gồm một điều khoản yêu cầu các nhà thầu, nhà cung cấp, nhà thầu phụ cho phép Hiệp hội kiểm tra tài khoản và hồ sơ có liên quan đến quá trình dự thầu và thực hiện hợp đồng. Các tài khoản và hồ sơ này phải được kiểm toán bởi các kiểm toán viên do Hiệp hội chỉ định. Hành vi cố ý ngăn cản Ngân hàng thực hiện các quyền thanh tra và kiểm toán của mình theo quy định trong tài liệu Hướng dẫn được xem là hành vi cản trở.

#### Giấy phép

14. Các nhà thầu nước ngoài có thể được đăng ký và cấp giấy phép làm việc, giấy phép này sẽ không bị thu hồi một cách tùy tiện.

#### Công bố việc trao hợp đồng

15. Trong vòng hai tuần kể từ khi nhận được ý kiến không phản đối đề nghị trao hợp đồng của Hiệp hội đối với các hợp đồng đã được Hiệp hội xét duyệt trước, và trong vòng hai tuần kể từ khi Bên nhận ra quyết định trao các hợp đồng hậu tuyên của Hiệp hội, Bên nhận sẽ công bố các thông tin về việc trao hợp đồng trên một tờ báo trong nước được lưu hành rộng rãi và / hoặc trong công báo chính thức hay trên một trang web được sử dụng rộng rãi hoặc cổng thông tin điện tử được truy cập miễn phí trong nước và quốc tế về các nội dung: (a) tên nhà thầu tham dự thầu (b) giá chào; (c) giá đánh giá từng hồ sơ dự thầu, (d) tên nhà thầu có hồ sơ dự thầu bị loại vì không phù hợp, hoặc không đáp ứng được các tiêu chí năng lực, hoặc hồ sơ không được đánh giá, và kèm theo đó là các nguyên nhân, và (e) tên nhà thầu trúng thầu, tổng giá trị hợp đồng cuối cùng, cũng như thời gian và phạm vi của hợp đồng.

#### Sửa đổi hợp đồng

16. Đối với các hợp đồng đã được Hiệp hội xét duyệt trước, Bên nhận sẽ nhận được ý kiến không phản đối của Hiệp hội trước khi đồng ý: (a) gia hạn thêm thời hạn thực hiện hợp đồng, (b) bất kỳ thay đổi đáng kể nào về phạm vi dịch vụ hoặc về các điều khoản và điều kiện của hợp đồng, (c) bất kỳ điều chỉnh hoặc yêu cầu điều chỉnh nào (trừ trường hợp cực kỳ khẩn cấp) độc lập hoặc kết hợp với các điều chỉnh hoặc yêu cầu điều chỉnh nào được đưa ra trước đó, mà làm tăng số lượng

hợp đồng hơn 15 phần trăm so với ban đầu, hoặc (d) đề xuất chấm dứt hợp đồng.  
Một bản sao về những thay đổi trong hợp đồng sẽ được cung cấp cho Hiệp hội.



**PHỤ LỤC 3**  
**LỊCH TRẢ NỢ**

<b>Ngày đến hạn Thanh toán</b>	<b>Nợ gốc phải trả (%)*</b>
Vào ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12:	
Bắt đầu từ ngày 15/06/2019, bao gồm ngày 15/12/2028	<b>1.65%</b>
Bắt đầu từ ngày 15/06/2029, bao gồm ngày 15/12/2038	<b>3.35%</b>

\* Tỷ lệ phần trăm nêu trên thể hiện tỷ lệ phần trăm của Nợ gốc phải trả, trừ trường hợp Hiệp Hội có cách xác định khác căn cứ theo Mục 3.03 (b) của Các Điều kiện chung.

## PHỤ ĐÍNH

### Phần I. Các định nghĩa

1. “Người bị ảnh hưởng” là những cá nhân đã và sẽ chịu những tác động trực tiếp về kinh tế và xã hội trong quá trình thực hiện dự án do các nguyên nhân như: (a) bị cưỡng chế thu hồi đất, dẫn tới việc: (i) phải di dời hoặc mất chỗ ở; (ii) bị mất tài sản hoặc mất phương tiện mưu sinh, hoặc (iii) bị mất nguồn thu nhập hay sinh kế, bất luận những người này có phải rời khỏi nơi cư trú hay không, hoặc (b) bị hạn chế trong việc tiếp cận các khu công viên, khu bảo tồn gây ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của họ.
2. “Hướng dẫn Chống tham nhũng” là “Hướng dẫn Phòng ngừa và Đấu tranh chống gian lận, tham nhũng trong các dự án sử dụng nguồn vốn vay IBRD và các khoản tín dụng và viện trợ không hoàn lại của IDA” ra ngày 15 tháng 10 năm 2006, được sửa đổi vào tháng 1 năm 2011.
3. “Các Hạng mục” là các nội dung được quy định trong bảng kê tại Mục IV, phụ đính 2 của phần này.
4. “Ban Điều phối Dự án Trung ương” hay “CPO” là bộ phận được thành lập tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư hay tại Bên Nhận theo Quyết định số 1618/QĐ-BKHĐT ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2013, có chức năng điều phối và quản lý việc thực hiện dự án, tham khảo tại Đoạn 1, Phần I.A của Phụ lục 2 trong Hiệp định này.
5. “Xã” là khu vực hành chính nhỏ hơn cấp Quận/huyện theo Hiến pháp và Pháp luật của Bên Nhận hoặc bất cứ cơ quan nào kế nhiệm sau này.
6. “Ban Phát triển xã” hoặc “CDB” là bộ phận đã hoặc sẽ được thành lập tại mỗi xã trong vùng dự án, tham khảo tại Đoạn 3, Phần I.A của Phụ đính 2 trong Hiệp định này. Mỗi CDB sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Dự án hàng ngày tại cấp xã tương ứng.
7. “Ban Giám sát xã” hoặc “CSB” là bộ phận được thành lập tại mỗi xã dự án, tham khảo tại Đoạn 3, Phần I.A của Phụ đính 2 trong hiệp định này. Mỗi CSB sẽ chịu trách nhiệm: (a) giám sát việc thực hiện Dự án tại xã đó; và (b) đưa các khuyến nghị lên các cấp có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề nội tại của Dự án và các khiếu nại của người dân tại xã tương ứng khi cần thiết.
8. “Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn” là “Các hướng dẫn trong việc lựa chọn và thuê tuyển tư vấn trong khuôn khổ các khoản vốn vay IBRD và các khoản tín dụng IDA và viện trợ không hoàn lại từ Ngân hàng thế giới” vào tháng 1 năm 2011.
9. “Sở Kế hoạch và Đầu tư” là Sở có nhiệm vụ lập kế hoạch và đầu tư trực thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh hoặc bất cứ cơ quan nào kế nhiệm sau này.
10. “Huyện” được hiểu là khu vực hành chính dưới cấp Tỉnh được thành lập

theo các quy định của Hiến pháp và Luật của Bên nhận, hoặc bất kỳ cơ quan nào kể nhiệm sau này.

11. “Ban Quản lý Dự án Huyện” hay “DPMU” được hiểu là một đơn vị được thành lập trong mỗi Huyện Dự án theo các quy định tại Đoạn 2 Mục I.A, Phụ đính 2 của Hiệp định này và theo các quyết định sau:

(a) Đắk Lắk: (i) M’Drăk: Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 31/10/2013, (ii) Lắk: Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 5/11/2013, (iii) Ea Sup: Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 6/11/2013, (iv) Buôn Đôn: Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 4/11/2013, (v) Krông Bông: Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 30/10/2013;

(b) Đắk Nông: (i) Đắk Sông: Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 25/10/2013, (ii) Tuy Đức: Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 23/10/2013, (iii) Krông Nô: Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 25/10/2013, (iv) Đắk Glông: Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 24/10/2013;

(c) Kon Tum: (i) Kon Ray: Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 8/11/2013, (ii) Kon Plông: Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 8/11/2013, (iii) Tu mơ rộng: Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 4/11/2013, (iv) Ngọc Hồi: Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 8/11/2013, (v) Đắk Glei: Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 7/11/2013, (vi) Sa Thầy: Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 7/11/2013;

(d) Gia Lai: (i) Kông Chro: Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 8/11/2013, (ii) La Pa: Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 8/11/2013, (iii) Krông Pa: Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 8/11/2013, (iv) Kbang: Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 7/11/2013, (v) Mang Yang: Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 11/11/2013;

(e) Quảng Nam: (i) Nam Trà My: Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 29/10/2013, (ii) Nam Giang: Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 1/11/2013, (iii) Phước Sơn: Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; và

(f) Quảng Ngãi: (i) Sơn Hà: Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 30/10/2013, (ii) Sơn Tây: Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 5/11/2013, (iii) Ba Tơ: Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 5/11/2013;

và có trách nhiệm quản lý và điều phối việc triển khai các hoạt động của Dự án trong mỗi Huyện tương ứng, bao gồm cả việc chuẩn bị các kế hoạch đầu tư hàng năm, giám sát việc thực hiện các tiểu dự án, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và các hướng dẫn cho Xã dự án.

12. “Quy tắc Thực hành về Môi trường” hay “ECOPs” được hiểu là các yêu cầu và thực hành tiêu chuẩn, được quy định tại Đoạn 3 Mục I.C Phụ đính 2 của Thỏa thuận này, và được UBND cấp Tỉnh tương ứng thông qua; được áp

- dụng trong việc thực hiện các hoạt động của dự án để đảm bảo việc tuân thủ một số khía cạnh về môi trường của Dự án. Quy tắc thực hành có thể thay đổi theo từng thời điểm với sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội, các điều khoản trong đó phải bao gồm cả các phụ lục và phụ đính kèm theo các quy tắc đó.
13. “Kế hoạch Quản lý Môi trường” hay “EMP” là kế hoạch được Hiệp hội chấp nhận, quy định tại Đoạn 03 Mục I.C Phụ đính 2 của Hiệp định này, và UBND các tỉnh thông qua; trong đó nêu rõ các hành động, các biện pháp và chính sách cụ thể nhằm tối đa hóa lợi ích của các hoạt động Dự án tương ứng, cũng như loại bỏ hay giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, hoặc làm giảm những tác động này đến mức có thể chấp nhận được, cùng với cơ chế hành chính và giám sát nhằm đảm bảo việc thực hiện các hoạt động, biện pháp và chính sách đã nói trên. Kế hoạch Quản lý Môi trường nêu trên có thể được sửa đổi theo từng thời điểm với sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội, các điều khoản trong đó phải bao gồm các phụ lục hoặc phụ đính kèm cho từng kế hoạch.
  14. “Khung Quản lý Môi trường và Xã hội” hay “ESMF” được hiểu là khung quy định được Hiệp hội chấp thuận và được Bộ kế hoạch và Đầu tư thông qua, căn cứ theo Quyết định số 1493/QĐ-BKHĐT ngày 18/10/2013, tham khảo tại Đoạn 03 Mục I.C Phụ đính 2 của Hiệp định này, trong đó quy định các biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, và bao gồm công tác chuẩn bị EMPs trong suốt quá trình thực hiện dự án, cùng với cơ chế hành chính và giám sát nhằm đảm bảo việc thực hiện khung quy định nêu trên. ESMF kể trên có thể được sửa đổi theo từng thời điểm với sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội, các điều khoản trong đó phải bao gồm các phụ lục hoặc phụ đính kèm theo.
  15. “Các Điều kiện chung” được hiểu là “Các Điều kiện chung của Hiệp hội Phát triển Quốc tế đối với Các Khoản Tín dụng và Tài trợ” ngày 31/07/2010. Bản sửa đổi của văn bản này được nêu tại Phần II của phụ lục này.
  16. “Khoản Tài trợ” là một khoản viện trợ được cấp, hoặc được Bên nhận đề xuất cấp từ nguồn tiền của Khoản Tài trợ cho bên thụ hưởng để cấp vốn cho Tiểu dự án thuộc Hợp phần 1 và 2 của Dự án theo các quy định trong Hiệp định này và Sổ tay Thực hiện Dự án.
  17. “Chi phí Hoạt động Gia tăng” là các chi phí phát sinh hợp lệ của Bên nhận và các cơ quan thực hiện, các cơ quan có liên quan và các đối tượng hưởng lợi của địa phương trong quá trình thực hiện dự án, dựa trên ngân sách và kế hoạch hàng năm được Hiệp hội phê duyệt, là các khoản chi tiêu sẽ không phát sinh nếu như không có dự án, bao gồm các chi phí mua sắm, vận hành, bảo trì và/hoặc thuê các trang thiết bị và phương tiện đi lại, chi phí cho truyền thông, các chiến dịch truyền thông và thông tin bao gồm: chi phí cho các phương tiện truyền thông, chi phí vận chuyển, và công tác phí cho các cán bộ trong dự án bao gồm các cán bộ hợp đồng và các cán bộ khác tham

gia quản lý, thực hiện và giám sát Dự án; và lương của cán bộ hợp đồng, tuy nhiên trong mọi trường hợp, chi phí này sẽ không bao gồm lương, phụ cấp lương và lương bổ sung cho các cán bộ là công chức, viên chức của Bên Nhận.

18. “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” viết tắt là “MPI”, hoặc bất cứ cơ quan nào kế nhiệm sau này đóng vai trò là Bên Nhận.
19. “Sổ tay Hướng dẫn Thực hiện Dự án” hay “PIM” là tài liệu được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê chuẩn theo Quyết định số 1504/QĐ-BKHĐT ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2013, tham khảo tại Đoạn 4 của Mục I.A, Phụ đính 2 trong Hiệp định này, trong đó đưa ra các hướng dẫn, chính sách, quy trình thủ tục và các yêu cầu trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm: (i) các hợp phần kỹ thuật; (ii) cơ chế giám sát đánh giá, (iii) việc tuân thủ các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường; (iv) các chính sách, quy trình thực hiện và các yêu cầu trong công tác quản lý tài chính, dòng vốn, quy định vai trò, nhiệm vụ, kiểm soát nội bộ và các giải trình, lưu trữ số liệu, báo cáo và kiểm toán; (v) các hướng dẫn và quy trình thủ tục đấu thầu phù hợp với Phần III trong Phụ lục 2, cũng như phân định vai trò và trách nhiệm trong quá trình đánh giá và phê duyệt trong đấu thầu; (vi) các hướng dẫn cụ thể trong quá trình thực hiện viện trợ và các Tiểu dự án, bao gồm: (A) tính phù hợp của Khoản viện trợ và các Tiểu dự án, cùng các tiêu chí cấp viện trợ; (B) quy trình sàng lọc các đề xuất viện trợ cho Hợp phần 1 và 2 của Dự án; (C) các điều khoản và điều kiện tài trợ; (D) các mẫu biểu của Hiệp định tài trợ; và (E) việc quản lý tài chính, giải ngân, đấu thầu, giám sát, đánh giá; và (vii) các chỉ số thực hiện; tất cả các nội dung này có thể được sửa đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của Hiệp hội, và các điều khoản trong đó này sẽ bao gồm tất cả các phần phụ lục, phụ đính hoặc các thay đổi của Sổ tay Hướng dẫn kể trên.
20. “Thủ tướng chính phủ” là Thủ tướng nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là đại diện cao nhất cho Cơ quan Hành pháp của Chính phủ Bên nhận.
21. Hướng dẫn Mua sắm” là “Các hướng dẫn về: Mua sắm hàng hóa, Công trình và Dịch vụ phi tư vấn sử dụng Vốn vay từ nguồn IBRD, các khoản Tín dụng từ nguồn IDA và Viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Thế giới từ tháng 1 năm 2011.
22. “Kế hoạch Đấu thầu” là Kế hoạch Đấu thầu cho Dự án của Bên nhận kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2013, tham khảo tại Phần 1.18 của tài liệu Hướng dẫn Đấu thầu và Phần 1.25 của tài liệu Hướng dẫn tuyển chọn Tư vấn, được cập nhật theo từng thời điểm để phù hợp với các quy định đã nêu trên.
23. “Ủy ban Nhân dân” (UBND) là cơ quan chính quyền địa phương tại từng cấp tỉnh, huyện và xã, hoặc bất kỳ cơ quan nào kế nhiệm sau này.
24. “Xã Dự án” là các xã trực thuộc các tỉnh của Dự án, được Bên nhận lựa chọn để hưởng lợi từ các hoạt động của dự án, “Xã Dự án” có thể là bất cứ đơn vị

cấp xã nào trong vùng dự án.

25. “Huyện Dự án” là các huyện trong phạm vi các Tỉnh Dự án, trong đó có một hoặc nhiều Xã Dự án; và “Huyện Dự án” là bất kỳ đơn vị cấp huyện nào của Dự án.
26. “Tỉnh Dự án” bao gồm các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam, và Quảng Ngãi tại khu vực miền Trung của Bên nhận, và “Tỉnh Dự án” có thể là bất kỳ tỉnh nào trong số 6 tỉnh này.
27. “Tỉnh” có nghĩa là các khu vực hành chính bất kỳ của Chính phủ được thành lập phù hợp với Hiến pháp và Luật của Bên nhận, hoặc bất kỳ một cơ quan nào kể nhiệm sau này.
28. “Ban Quản lý Dự án Tỉnh” hoặc “PPMU” có nghĩa là đơn vị được thành lập trong mỗi Tỉnh Dự án theo các quy định tại Đoạn 2 của Mục I.A, Phần phụ đính 2 của Hiệp định này, và theo các Quyết định: (a) Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2013 của tỉnh Đắk Lắk, (b) Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của tỉnh Đắk Nông, (c) Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của tỉnh Kon Tum, (d) Quyết định số 1089/AD-UBND ngày 7/11/2013 của tỉnh Gia Lai; (e) Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của tỉnh Quảng Nam và (f) Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Quảng Ngãi, và có nhiệm vụ quản lý và điều phối việc thực hiện Dự án trong phạm vi Tỉnh Dự án tương ứng, bao gồm: chuẩn bị và thực hiện kế hoạch công việc, kế hoạch đấu thầu và ngân sách hàng năm; quản lý đấu thầu, quản lý tài chính, và giải ngân; điều phối và quản lý các kế hoạch nâng cao năng lực và đào tạo; hỗ trợ về kỹ thuật và hướng dẫn cho các huyện, xã và thôn bản thuộc dự án trên địa bàn tỉnh tương ứng.
29. “Kế hoạch Tái định cư” hoặc “RPs” là một biện pháp an toàn xã hội được Hiệp hội thông qua, tham khảo tại đoạn 1 của Mục I.C trong Phụ đính 2 của Hiệp định này, được lập và phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh tương ứng; trong đó quy định các nguyên tắc, quy trình thủ tục quản lý việc thu hồi đất và tài sản, cũng như việc đền bù, tái định cư, phục hồi thu nhập cho những người bị ảnh hưởng bởi Dự án phù hợp với các hướng dẫn và quy trình thủ tục quy định tại Khung Chính sách Tái định cư, các kế hoạch này có thể được sửa đổi tại từng thời điểm với sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội, các điều khoản trong đó phải bao gồm các phụ lục hoặc phụ đính kèm theo Kế hoạch.
30. “Khung Chính sách Tái định cư” hoặc RPF” là khung chính sách về tái định cư và thu hồi đất được Hiệp hội chấp thuận, được đề cập tới tại Đoạn 1 của Mục I.C, Phụ đính 2 của Hiệp định, được phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ của Bên Tiếp nhận theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11

năm 2013; trong đó quy định việc xây dựng các nguyên tắc lợi ích và/hoặc hỗ trợ cho những hộ gia đình bị ảnh hưởng, các biện pháp tái định cư, giám sát và đánh giá các hoạt động tái định cư, ngân sách và cơ chế tổ chức thực hiện, bao gồm các hoạt động nâng cao năng lực thông qua đào tạo, tiến hành thu hồi đất và tài sản trong vùng Dự án, bồi thường, tái định cư, hỗ trợ và phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng, và xây dựng các Kế hoạch Tái định cư trong thời gian thực hiện Dự án. Khung chính sách Tái định cư này có thể được sửa đổi tùy theo từng thời điểm với sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội, các điều khoản trong đó bao gồm các phụ đính và phụ lục kèm theo.

31. “Các Biện pháp An toàn” là các Kế hoạch Quản lý Môi trường, Bộ Quy tắc Thực hành Môi trường, Khung Quản lý Môi trường và Xã hội, Khung Chính sách Tái định cư, và các Kế hoạch Tái định cư.
32. “Tiểu Dự án” là một dự án cụ thể được tài trợ trong khuôn khổ các Hợp phần 1 và 2 của Dự án về: (a) xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ tại một xã hoặc thôn bản thuộc vùng Dự án, hoặc cả hai, tùy theo từng trường hợp, hoặc (b) một chương trình cụ thể bao gồm các hoạt động trong phạm vi một xã hoặc thôn bản thuộc vùng dự án, hoặc cả hai, tùy theo từng trường hợp, nhằm góp phần đạt được các mục tiêu phát triển tổng thể của dự án.
33. “Đào tạo và Hội thảo” là một hoạt động gia tăng chi phí hợp lệ của Bên nhận, trên cơ sở các kế hoạch làm việc hàng năm và/hoặc điều khoản tham chiếu được Hiệp hội thông qua, trong việc hỗ trợ, thực hiện, và/hoặc triển khai các hoạt động đào tạo và hội thảo trong khuôn khổ Dự án, bao gồm: các chi phí về tài liệu đào tạo và hội thảo; các trang thiết bị và thuê địa điểm; bồi dưỡng, ăn ở, và đi lại của các cán bộ tham dự các khoá tập huấn và hội thảo, thù lao cho các giảng viên của Dự án; nhưng không bao gồm lương và phụ cấp lương cho các cán bộ trong biên chế nhà nước của Bên nhận (các cán bộ là công chức, viên chức).
34. “Thôn bản” là một cộng đồng bao gồm nhóm các hộ gia đình trong phạm vi một xã.

## **Phần II. Những điều chỉnh đối với Các Điều kiện chung**

Các Điều kiện chung được điều chỉnh như sau,:

1. Mục 3.02 được điều chỉnh như sau:

“Mục 3.02 *Phí Dịch vụ và Lãi suất*

- (a) *Phí Dịch vụ*. Bên vay phải trả cho Hiệp hội một khoản phí dịch vụ với Số dư Tín dụng đã rút theo tỷ lệ quy định trong Hiệp định Tài trợ. Phí Dịch

vụ được tính kể từ ngày mà Khoản Tín dụng được rút và phải được trả theo chu kỳ nửa năm vào các ngày đến hạn thanh toán. Phí dịch vụ được tính trên cơ sở quy ước một năm có 360 ngày tương đương 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày.

(b) *Lãi suất*. Lãi suất mà Bên nhận phải trả cho Hiệp hội được tính trên cơ sở Số dư Tín dụng đã rút theo tỷ lệ quy định trong Hiệp định Tài trợ. Lãi suất này được tính kể từ ngày mà Khoản Tín dụng được rút và phải được trả theo chu kỳ nửa năm vào các ngày đến hạn thanh toán. Lãi suất được tính trên cơ sở quy ước một năm có 360 ngày tương đương 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày.

2. Đoạn 28 của Phụ Lục (“Thanh toán Tài chính”) bổ sung thêm cụm từ “Lãi suất” giữa cụm từ “Phí Dịch vụ” và “Phí Cam kết”.
3. Phụ Lục được bổ sung thêm Đoạn 32 với định nghĩa “Lãi suất” như sau: ,  
“32. “Lãi suất” là lãi suất được xác định trong Hiệp định Tài trợ liên quan đến nội dung Mục 3.02(b).”
4. Đánh thứ tự lại Đoạn 37 (đoạn 36 ban đầu) của Phụ Lục (“Ngày đến hạn Thanh toán”) được bổ sung thêm cụm từ “Lãi suất” giữa cụm từ “Phí Dịch vụ” và “Phí Cam kết”.
5. Đánh thứ tự lại Đoạn 50 (đoạn 49 ban đầu) của Phụ Lục (“Phí Dịch vụ”), các chỉ dẫn tham khảo tới Mục 3.02 được thay bằng Mục 3.02 (a).

Ban Điều phối dự án Trung ương Dự án Giảm nghèo  
khu vực Tây Nguyên xác nhận dịch từ bản gốc.



**Trần Ngọc Hùng**